

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

ĐẾN NHU CẦU VAY VỐN CỦA SINH VIÊN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

ThS. NGUYỄN QUỐC NGHĨ

Trường Đại học Cần Thơ

Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng của sinh viên ở Thành phố Cần Thơ. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ cuộc điều tra trực tiếp 235 sinh viên đang học tập trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng nhằm phản ánh nhu cầu vay vốn của sinh viên, đồng thời ứng dụng mô hình Probit để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên ở Thành phố Cần Thơ. Kết quả phân tích cho thấy các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên bao gồm: thu nhập của gia đình sinh viên, thu nhập của sinh viên, số người phụ thuộc trong gia đình, năm đang học, việc tham gia làm thêm của sinh viên.

1. Giới thiệu

Tp. Cần Thơ được xem là thủ phủ của miền Tây Nam Bộ, là trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội và đặc biệt là trung tâm đào tạo đại học và sau đại học của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trên địa bàn Tp. Cần Thơ có rất nhiều trường đại học, cao đẳng và trung cấp vì thế một lượng lớn sinh viên từ các tỉnh khác trong và ngoài khu vực ĐBSCL đã tập trung vào nơi đây. Do phần lớn sinh viên xuất thân từ các hộ gia đình thuần nông nên việc đầu tư chi phí cho học tập, đời sống và sinh hoạt còn rất nhiều khó khăn. Từ năm 2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định



157/2007/QĐ-TTg về tín dụng học sinh - sinh viên đã góp phần giảm bớt gánh nặng trong chi phí học tập, sinh hoạt cho các sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có thể đuổi ước mơ học tập. Tuy nhiên, thực tế còn khá nhiều vấn đề tồn tại dẫn đến khả năng tiếp cận nguồn tín dụng hỗ trợ cho sinh viên, cũng như nhu cầu vay vốn của sinh viên chưa được đáp ứng theo sự mong đợi. Vì thế, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

2. Lược khảo một số nghiên cứu liên quan

Tính đến nay đã có nhiều nghiên cứu về lĩnh vực tín dụng sinh viên được công bố, do khuôn khổ có hạn của một bài báo không thể liệt kê tất cả các nghiên cứu về lĩnh vực tín dụng sinh viên, vì thế tác giả chỉ nêu

một số nghiên cứu có liên quan đến chủ đề của bài viết. Đầu tiên, đó là nghiên cứu của Lê Bảo Lâm (2005) về "Xây dựng quỹ tín dụng học tập cho sinh viên". Nghiên cứu thu thập số liệu từ 1204 sinh viên tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, tác giả đã chỉ ra rằng, 771 sinh viên (chiếm tỉ lệ 64,04%) thừa nhận mình đang gặp khó khăn về tài chính, cần được hỗ trợ. Cũng theo kết quả điều tra những yếu tố sau có liên quan đến khó khăn về tài chính cùng nhu cầu tín dụng của sinh viên như: Yếu tố về địa lý, thu nhập của gia đình, năm đang học của sinh viên. Thứ hai là nghiên cứu của Nguyễn Mai Xuân Thảo (2009) về "Khảo sát nhu cầu tín dụng của sinh viên đại học Cần Thơ đối với hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần". Số lượng mẫu thu thập của nghiên cứu là 100. Mô hình Probit được sử dụng để xác

định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, năm đang học của sinh viên, việc làm thêm của sinh viên, thu nhập của sinh viên, số người phụ thuộc trong gia đình và thu nhập của gia đình có ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng của sinh viên đại học Cần Thơ đối với hệ thống NHTM.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thu thập số liệu sơ cấp bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với thuận tiện. Cuộc điều tra được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 11/2009. Cỡ mẫu được chọn là 235 và đối tượng được chọn phỏng vấn là những sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có nhu cầu vay vốn (145 sinh viên) và sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có nhu cầu vay vốn (90 sinh viên) đang học tập trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

Nghiên cứu này sử dụng phần mềm Stata để hỗ trợ trong việc phân tích số liệu. Phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu nghiên cứu như: số trung bình, tỉ lệ, tần suất...v.v...được sử dụng nhằm phản ánh nhu cầu vay vốn. Đồng thời ứng dụng mô hình Probit để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên ở Tp.Cần Thơ. Mô hình xác suất tuyến tính Probit có phương trình:

$$Y = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \epsilon$$

Trong đó: Y là nhu cầu vay vốn của sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được đo lường bằng hai giá trị 1 và 0 (1 là có nhu cầu vay vốn và 0 là không có nhu cầu vay vốn). Các

biến X_1, X_2, X_3, X_4, X_5 là các biến độc lập (biến giải thích).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

*Diễn giải các biến độc lập
trong mô hình*

Mô hình Probit được áp dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên. Theo nghiên cứu Lê (2005), Nguyễn (2009) đã

cụ học tập, các vật dụng sinh hoạt, đóng các khoản lệ phí học tập, ...

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên thì thu nhập hàng tháng của sinh viên, thu nhập của gia đình sinh viên và số người phụ thuộc trong gia đình sinh viên là những yếu tố rất quan trọng.

Theo kết quả điều tra thì
thu nhập trung bình/năm của

Bảng 1: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình Probit

Biến số	Đơn vị tính	Diễn giải
Thu nhập của gia đình (X1)	Triệu đồng	Tổng thu nhập trong một năm của gia đình sinh viên
Thu nhập của sinh viên (X2)	Triệu đồng	Tổng thu nhập hàng tháng của gia đình sinh viên
Số người phụ thuộc trong gia đình (X3)	người	Số người phụ thuộc cùng một hộ gia đình của sinh viên, không tính người ở nhờ
Năm đang học (X4)	năm	Tính từ năm nhập học đến thời điểm phỏng vấn
Việc làm thêm (X5)		Biến giả, giá trị 1 nếu sinh viên có làm thêm, giá trị 0 nếu sinh viên không làm thêm

xác định các nhân tố: thu nhập của gia đình, thu nhập của sinh viên, số người phụ thuộc trong gia đình, năm đang học, việc tham gia làm thêm ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các biến với diễn giải như sau:

gia đình sinh viên là khá thấp (48,5 triệu/năm) trong khi số người phụ thuộc trong gia đình của sinh viên là 2 người, một số gia đình có số người phụ thuộc lên đến 5 người. Thế nhưng thu nhập bình quân tháng của sinh viên chỉ ở mức tương đối thấp, trong đó số sinh viên có thu

Bảng 2: Tỷ lệ sinh viên tiếp cận vay vốn theo thời gian nhập học

Thời gian học tập	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Năm thứ nhất	21	14,3
Năm thứ hai	40	27,3
Năm thứ ba	67	46,5
Năm cuối	17	11,9
Tổng cộng	145	100,0

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các sinh viên có nhu cầu vay vốn ở năm thứ hai và năm thứ ba, số lượng này chiếm hơn 73% tổng số sinh viên. Nguyên nhân chính được tác giả thu thập được là do sinh viên cần nhiều tài chính để trang trải cho việc mua dụng

nhập 1 triệu/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất (50%).

Một trong những giải pháp phổ biến của sinh viên trong việc giải quyết khó khăn về tài chính là chọn giải pháp vay vốn, hình thức vay vốn đã khá quen thuộc đối với tất cả

Bảng 3: Thu nhập của sinh viên, thu nhập của gia đình sinh viên và số người phụ thuộc trong gia đình sinh viên

Chi tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình
Thu nhập bình quân tháng của sinh viên	0,8	2,0	1,17
Thu nhập mỗi năm của gia đình sinh viên	18,0	96,0	48,50
Số người phụ thộc trong gia đình sinh viên	1,0	5,0	2,00

sinh viên hiện nay. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên cũng chọn cách mượn tiền người thân để giải quyết khó khăn tạm thời. Ngoài ra, một số sinh viên chọn cách đi làm thêm để kiếm thêm thu nhập nhằm trang trải phần nào sinh hoạt phí hàng tháng của mình. Giải pháp ít được sinh viên lựa chọn như mượn bạn bè, sống tiết kiệm hơn,...

hình không có bỏ sót biến. Mức độ dự báo đúng của mô hình đạt 83%. Mô hình hồi quy ước lượng các nhân tố tác động đến nhu cầu tín dụng của sinh viên phù hợp ở mức cao. Giá trị ước lượng Y sẽ sát với giá trị thực tế ứng với các mẫu cho trước trong mô hình là 83%. Hệ số xác định $R^2 = 53\%$ cho biết mức độ ảnh hưởng của các biến được đưa vào mô hình đối với

trong hàm hồi quy sẽ không trực tiếp biểu diễn mối quan hệ giữa biến độc lập và biến phụ thuộc mà dùng hệ số góc để giải thích sự thay đổi của biến độc lập lên biến phụ thuộc là nhu cầu vay vốn của sinh viên trên địa bàn Tp. Cần Thơ hiện nay. Kết quả phân tích cho thấy, 5 biến đưa vào mô hình đều có ý nghĩa về mặt thống kê, trong đó có 2 biến tác động ngược chiều với biến phụ thuộc là thu nhập của sinh viên và thu nhập của gia đình sinh viên, 3 biến còn lại có tác động cùng chiều với biến phụ thuộc là năm học, việc tham gia làm thêm và số người phụ thuộc trong gia đình. Trong số 5 biến trên thì biến thu nhập của sinh viên có hệ số tương quan lớn nhất, trong khi biến thu nhập của gia đình và biến số người phụ thuộc trong gia đình tuy có ý nghĩa nhưng mức độ tác động của 2 biến này đến biến phụ thuộc tương đối thấp, nghĩa là tác động của thu nhập gia đình đến nhu cầu vay vốn của sinh viên là không đáng kể.

Bảng 4: Cách giải quyết khó khăn về tài chính của sinh viên

Cách giải quyết khó khăn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đi làm thêm	30	20,9
Vay vốn	58	40,3
Mượn tiền người thân	50	34,3
Cách khác	7	4,5
Tổng cộng	145	100,0

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy bằng mô hình Probit

Các biến độc lập	Hệ số tương quan	Giá trị P
Thu nhập của gia đình*	- 0,13	0,085
Thu nhập của sinh viên***	- 3,20	0,000
Số người phụ thuộc trong gia đình**	0,32	0,025
Năm đang học***	1,37	0,000
Việc làm thêm***	1,25	0,003
Hệ số xác định R^2		53%
Phần trăm dự báo đúng của mô hình		83%
Giá trị kiểm định chi bình phương		72,44
Xác suất lớn hơn giá trị chi bình phương		0,000

Ghi chú: * mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên

Giá trị kiểm định Pearson chi bình phương kiểm tra sự phù hợp của mô hình Probit với giá trị P tương ứng là 0,8395 > 0,1 tức chúng ta không thể bác bỏ giả thuyết H_0 rằng mô

nhu cầu vay vốn của sinh viên là 53%, tỷ lệ 47% còn lại được giải thích bởi các yếu tố khác không được nghiên cứu trong mô hình.

Trong kết quả hồi quy của hàm Probit, do là hàm hồi quy của biến giả nên các hệ số

Giải thích tác động của những biến có ý nghĩa

Thu nhập hàng tháng của sinh viên: đây là biến định lượng, có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Biến này mang hệ số góc là $- 3,2 < 0$ cho thấy nhu cầu tín dụng và biến thu nhập của sinh viên có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với nhau. Đây là biến có hệ số góc lớn nhất (về mặt giá trị) trong tất cả các biến được xem xét trong mô hình, nghĩa là nhu cầu tín dụng chịu tác động mạnh của thu nhập sinh viên. Tác động của biến này được giải thích về mặt ý nghĩa kinh tế như sau: Khi các yếu tố khác trong mô hình không đổi, 1% tăng lên của thu nhập thì nhu cầu tín dụng của sinh viên giảm 3,2%. Điều này là đương nhiên bởi những sinh viên có thu nhập đủ để trang

trải cho sinh hoạt đời sống và học tập thì không cần thiết phải vay vốn ngân hàng.

Năm đang học của sinh viên: Biến này có ý nghĩa ở mức 1%. Hệ số góc của biến này ở mức tương đối cao là $1,37 > 0$, biến này có tác động cùng chiều với nhu cầu tín dụng của sinh viên, điều này cho thấy nhu cầu tín dụng của sinh viên càng tăng theo năm học của sinh viên khi các yếu tố khác không đổi. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Lê (2005) về nhu cầu tín dụng ngày càng tăng theo năm học của sinh viên. Nguyên nhân chính là do sinh viên đầu tư chi phí cho công cụ học tập và sinh hoạt phí trong những năm sau có xu hướng tăng dần so với sinh viên năm đầu nhập học.

Việc làm thêm của sinh viên: đây là biến giả, biến này nhận giá trị 1 với những sinh viên đang đi làm thêm; có giá trị 0 nếu sinh viên không có làm thêm. Biến này có ý nghĩa ở mức 1%. Hệ số góc của biến này ở mức tương đối cao là $1,25 > 0$, nghĩa là biến này có tác động cùng chiều với biến phụ thuộc, cụ thể là nhu cầu tín dụng của những sinh viên có đi làm thêm sẽ cao hơn những sinh viên không đi làm thêm 1,29%. Có thể việc làm thêm đã giúp cho sinh viên có khả năng giao tiếp rộng hơn, điều này giúp cho họ có được sự tự tin, mạnh mẽ trong cuộc sống, những sinh viên này muốn được độc lập không muốn lệ thuộc quá nhiều vào gia đình vì thế nhóm sinh viên này đã chủ động vay vốn để tự trang trải học phí và sinh hoạt phí cho bản thân.

Số người phụ thuộc trong gia đình: đây là biến định lượng, theo kết quả từ mô hình hồi quy biến này có mức ý nghĩa là 5%. Hệ số góc của biến

này là $0,32 > 0$ nghĩa là biến này có tác động cùng chiều với biến phụ thuộc, cụ thể là nhu cầu tín dụng của sinh viên sẽ tăng 0,32% khi số người phụ thuộc trong gia đình tăng thêm 1 người. Vấn đề này có thể giải thích rằng những gia đình của sinh viên có nhiều người phụ thuộc thường phải chia sẻ thu nhập cho những người phụ thuộc vì thế sinh viên trong gia đình có nhiều người phụ thuộc sẽ nhận được phần thu nhập thấp hơn so với những sinh viên trong gia đình có ít người phụ thuộc. Từ đó dẫn đến việc sinh viên thiếu tài chính để trang trải chi phí học tập và sinh hoạt và tất yếu dẫn đến nhu cầu vay vốn để hỗ trợ cho việc học tập của sinh viên.

Thu nhập hàng năm của gia đình: đây là biến định lượng, biến này có mức ý nghĩa thống kê là 10%. Hệ số góc là $-0,13 < 0$ nghĩa là biến này tỷ lệ nghịch với biến phụ thuộc cụ thể là khi thu nhập của gia đình tăng 1% thì nhu cầu tín dụng của sinh viên sẽ giảm 0,12%, bởi những gia đình có thu nhập tương đối sẽ có khả năng trang bị cho sinh viên những thứ cần thiết mà không cần phải vay ở ngân hàng.

5. Kết luận

Thông qua phương pháp thống kê mô tả và sử dụng mô hình Probit, tác giả rút ra một số kết luận sau: (1) Phần lớn sinh viên có nhu cầu vay vốn vào năm thứ hai và thứ ba; (2) Hầu hết thu nhập gia đình của sinh viên có nhu cầu vay vốn ở mức dưới 3 triệu; (3) Vay vốn là giải pháp chính của nhiều sinh viên khó khăn trong vấn đề tài chính; (4) Mức vay chủ yếu của sinh viên nằm trong khoảng 5 triệu đến 8 triệu; (5) Nhu cầu vay vốn của sinh viên tương quan thuận với số người phụ thuộc trong gia đình, năm

đang học, việc tham gia làm thêm của sinh viên. Ngược lại, khả năng tiếp cận vay vốn của sinh viên có tương quan nghịch với thu nhập của gia đình sinh viên, thu nhập của sinh viên ■

Tài liệu tham khảo

1. David J.Luck/Ronald S.Rubin (2002), *Nghiên cứu marketing*, NXB Thống kê.
2. Lê Bảo Lâm (2005), *Xây dựng quỹ tín dụng học tập cho sinh viên*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Mai Xuân Thảo (2009), *Khảo sát nhu cầu tín dụng của sinh viên đại học Cần Thơ đối với hệ thống NHTM cổ phần. Luận văn tốt nghiệp đại học*, Trường Đại học Cần Thơ.
4. Nhật Minh (2008), *Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên*, Tạp chí ngân hàng, Số 17 năm 2008.
5. Hoàng Đức (2007), *Tín dụng cho sinh viên – vướng mắc và giải pháp*, Tạp chí Phát triển kinh tế số 206 năm 2007.

